# TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG THÁNG 2 NĂM 2020

**Tỉnh Phú Thọ**

| | Mã số | Tổng mức (triệu đồng) | | | Tỷ lệ (%) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thực hiện tháng trước | Dự tính tháng báo cáo | Cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo | Dự tính tháng báo cáo so với thực hiện tháng trước | Dự tính tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước | Cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 = 2:1 | 5 | 6 |
| **TỔNG CỘNG** | 01 | 3.107.318,1 | 3.043.391,9 | 6.150.710,0 | 97,94 | 110,33 | 110,37 |
| **Phân theo ngành kinh tế** | 02 | | | | | | |
| 1. Thương nghiệp | 03 | 2.667.758,0 | 2.622.832,4 | 5.290.590,4 | 98,32 | 111,02 | 110,76 |
| 2. Lưu trú và ăn uống | 04 | 219.369,9 | 209.017,0 | 428.386,9 | 95,28 | 102,81 | 104,38 |
| 3. Dịch vụ lữ hành | 05 | 970,0 | 878,1 | 1.848,1 | 90,53 | 42,24 | 29,04 |
| 4. Dịch vụ khác | 06 | 219.220,2 | 210.664,4 | 429.884,6 | 96,10 | 110,48 | 113,25 |